

Ngày 25 tháng 07 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM

Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật
Mã CK: IJC

Địa chỉ: Tầng 15, Becamex Tower, Số 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Điện thoại: 0274 3848789
Fax: 0274 3848678

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Trịnh Thanh Hùng

Địa chỉ: Tầng 15, Becamex Tower, Số 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Điện thoại: 0274 3848789
Fax: 0274 3848678

Loại thông tin công bố

Định kỳ Bất thường 24h Theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật công bố thông tin về Báo cáo tài chính quý 2 năm 2018 (Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính của Công ty mẹ)
Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày .25./07./2018 tại đường dẫn: <http://www.becamexijc.com/quanhecodong>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người được ủy quyền công bố thông tin
Phó tổng giám đốc *T. Trịnh*



TRỊNH THANH HÙNG

Tài liệu đính kèm:

- BCTC hợp nhất Q2/2018
- BCTC Công ty mẹ Q2/2018

CTY CP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Số 230 Đại Lộ Bình Dương, P.Phú Hòa, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Mã số thuế: 3700805566

Mẫu số B01-DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

ĐVT: đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU KỲ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		6.404.125.363.672	6.134.083.903.175
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	162.806.357.458	88.472.664.656
1. Tiền	111		54.477.186.762	76.972.664.656
2. Các khoản tương đương tiền	112		108.329.170.696	11.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu	130		933.666.226.030	758.451.612.313
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02a	909.176.731.970	695.775.703.552
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	1.435.632.275	28.650.568.347
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	23.053.861.785	34.025.340.414
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		5.307.622.900.184	5.287.058.623.707
1. Hàng tồn kho	141	V.06	5.307.622.900.184	5.287.058.623.707
2. Dự phòng giảm giá tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		29.880.000	101.002.499
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07a	29.880.000	44.820.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	153		-	56.182.499
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.536.348.810.683	1.858.966.856.791
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		679.187.158.385	982.598.592.172
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.02b	205.348.396.424	508.729.830.211
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	473.838.761.961	473.868.761.961
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		545.456.560.346	551.400.140.110
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	539.235.016.637	546.774.746.486

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU KỲ
- Nguyên giá	222		906.799.810.713	906.068.110.713
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(367.564.794.076)	(359.293.364.227)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	6.221.543.709	4.625.393.624
- Nguyên giá	228		10.419.028.276	8.669.587.380
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(4.197.484.567)	(4.044.193.756)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	165.005.838.021	165.933.761.781
- Nguyên giá	231		185.090.978.661	185.090.978.661
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(20.085.140.640)	(19.157.216.880)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		111.130.983.457	124.012.477.677
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.11	111.130.983.457	119.280.928.923
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	-	4.731.548.754
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		17.377.481.005	17.377.481.005
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.13	17.377.481.005	17.377.481.005
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		18.190.789.469	17.644.404.046
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07b	18.190.789.469	17.644.404.046
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		7.940.474.174.355	7.993.050.759.966
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		6.320.356.673.228	6.295.542.252.029
I. Nợ ngắn hạn	310		4.026.349.642.472	3.885.833.615.783
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14a	2.354.070.576.718	2.242.387.648.101
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	16.065.563.578	13.876.146.277
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16a	16.890.065.697	25.243.399.164
4. Phải trả người lao động	314	V.17	2.045.761.379	2.180.852.219
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18a	310.678.087.671	416.295.498.074
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	759.740.337.260	635.467.888.106
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	562.487.724.261	550.382.183.842
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	4.371.525.908	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỶ	SỐ ĐẦU KỶ
II. Nợ dài hạn	330		2.294.007.030.756	2.409.708.636.246
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.14b	1.112.267.353.000	1.131.267.353.000
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.22	37.491.677.756	58.443.283.246
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	248.000.000	248.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	1.144.000.000.000	1.219.750.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.620.117.501.127	1.697.508.507.937
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	1.620.117.501.127	1.697.508.507.937
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.370.973.230.000	1.370.973.230.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411A		1.370.973.230.000	1.370.973.230.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411B		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.420.226.000	10.420.226.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		93.275.096.257	86.402.472.800
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		145.448.948.870	229.712.579.137
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421A		27.595.149.019	180.155.874.798
- LNST chưa phân phối kỳ này	421B		117.853.799.851	49.556.704.339
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn KP đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		7.940.474.174.355	7.993.050.759.966

Ngày 20 Tháng 07 Năm 2018

Người lập biểu

BÙI THỊ THÙY

Kế toán trưởng

TRỊNH THANH HÙNG

Tổng giám đốc



ĐỖ QUANG NGÔN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 2 năm 2018

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 2 năm 2018	Quý 2 năm 2017	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	278.286.596.065	295.430.820.756	616.145.994.396	436.518.046.923
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	9.600.382.004	6.637.500.859	44.195.548.434	31.556.567.949
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		268.686.214.061	288.793.319.897	571.950.445.962	404.961.478.974
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	140.179.758.506	127.005.710.237	348.272.387.651	189.349.968.173
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		128.506.455.555	161.787.609.660	223.678.058.311	215.611.510.801
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	970.730.174	588.655.380	1.007.677.160	744.419.906
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.5	35.433.031.773	36.590.416.704	59.018.554.265	60.536.676.166
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		21.571.188.205	21.739.315.242	34.893.300.223	36.590.886.482
8. Chi phí bán hàng	24	VI.6	9.007.289.693	11.945.103.234	18.442.739.899	16.930.682.947
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	8.244.629.340	5.849.028.257	14.626.631.503	12.491.311.660
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		76.792.234.923	107.991.716.845	132.597.809.804	126.397.259.934
11. Thu nhập khác	31	VI.8	8.933.157.519	1.770.777.283	12.867.598.161	2.371.750.705
12. Chi phí khác	32	VI.9	2.476.760.983	245.810.410	2.791.815.275	352.463.972
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		6.456.396.536	1.524.966.873	10.075.782.886	2.019.286.733
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		83.248.631.459	109.516.683.718	142.673.592.690	128.416.546.667
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.16	14.951.535.947	19.281.277.975	24.819.792.839	22.159.641.996
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		68.297.095.512	90.235.405.743	117.853.799.851	106.256.904.671
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý 2/2018 giảm 24% so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân:

Trong quý 2/2018 tổng doanh thu ghi nhận của Công ty giảm 4% (chủ yếu do doanh thu hoạt động xây dựng giảm) so với cùng kỳ năm trước, tổng chi phí tăng 8% dẫn đến lợi nhuận sau thuế giảm so với quý 2/2017.

Người lập biểu

BÙI THỊ THÙY

Kế toán trưởng

TRỊNH THANH HÙNG

Ngày 20 Tháng 07 Năm 2018

Tổng giám đốc



ĐỖ QUANG NGÔN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 năm 2018

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2 năm 2018	Quý 2 năm 2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		83.248.631.459	109.516.683.718
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	V.8,9,10	9.352.644.420	9.352.586.593
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(897.553.221)	(533.152.776)
- Chi phí lãi vay	06		21.571.188.205	21.739.315.242
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		113.274.910.863	140.075.432.777
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		119.288.219.033	(109.587.913.598)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		16.349.717.551	14.139.754.194
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(62.084.203.483)	23.421.816.285
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.513.553.281)	1.982.073.557
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(40.639.130.311)	(40.987.342.372)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(10.016.813.832)	(2.879.506.085)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.219.253.414)	(2.729.319.229)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		128.439.893.126	23.434.995.529
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(241.461.000)	(5.666.169.192)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: Số 230 Đại Lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ, kinh doanh bất động sản và xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Duy tu, sửa chữa, khai thác thu phí giao thông; Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch, tư vấn, đấu giá, quảng cáo, quản lý bất động sản, kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Kết quả kinh doanh năm nay của Công ty tăng mạnh so với năm trước chủ yếu là do hoạt động kinh doanh bất động sản tăng trưởng tốt.

6. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	Becamex Hotel, 230 Đại Lộ Bình Dương, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.	Kinh doanh nhà hàng và dịch vụ ăn uống, tổ chức sự kiện, dịch vụ khách sạn, đại lý vé máy bay, tàu hỏa.	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex	Becamex Tower, 230 Đại Lộ Bình Dương, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.	Kinh doanh hoạt động trung tâm thương mại, du lịch, vận tải hành khách, đại lý vé máy bay, tàu hỏa.	100%	100%	100%

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 263 nhân viên đang làm việc (Số đầu kỳ là 262 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: Số 230 Đại Lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ bao gồm các khoản đầu tư vào Công ty con.

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: Số 230 Đại Lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí quyền sử dụng đất, chi phí xây dựng, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.
- Hàng hóa bất động sản: bao gồm toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng bất động sản để đưa bất động sản vào trạng thái sẵn sàng để bán.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: Số 230 Đại Lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí duy tu sửa chữa Quốc lộ 13 và thiết bị thu phí tự động. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí duy tu, sửa chữa Quốc lộ 13

Các khoản duy tu, sửa chữa Quốc lộ 13 được phân bổ vào chi phí theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

Thiết bị thu phí tự động

Các thiết bị thu phí tự động được phân bổ vào chi phí với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ảnh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 08

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: Số 230 Đại Lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ có phần mềm máy tính.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư là 50 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: Số 230 Đại Lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: Số 230 Đại Lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Công ty thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đã hoàn thành cơ bản công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và lô đất đã được bàn giao cho khách hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: Số 230 Đại Lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

18. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

20. Chi phí đi vay

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: Số 230 Đại Lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: Số 230 Đại Lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền mặt	2.557.399.202	1.840.820.974
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	51.919.787.560	75.131.843.682
Các khoản tương đương tiền ^(*)	108.329.170.696	11.500.000.000
Cộng	162.806.357.458	88.472.664.656

^(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: Số 230 Đại Lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng****2a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>228.985.428.559</i>	<i>206.395.370.030</i>
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	87.530.481.947	107.020.754.155
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị	133.758.942.000	79.172.628.000
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	433.400.000	432.500.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex	1.347.574.366	3.113.888.419
Công ty TNHH Becamex Tokyu	4.778.051.511	13.000.951.224
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	-	397.959.960
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore	1.136.978.735	3.256.688.272
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>680.191.303.411</i>	<i>489.380.333.522</i>
Các khách hàng khác	680.191.303.411	489.380.333.522
Cộng	<u>909.176.731.970</u>	<u>695.775.703.552</u>

2b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>10.318.886.000</i>	<i>68.087.881.000</i>
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	1.221.445.000	4.404.126.000
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị	9.097.441.000	63.683.755.000
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>195.029.510.424</i>	<i>440.641.949.211</i>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại và Xây dựng Địa ốc Kim Oanh	301.888.000	880.881.750
Các khách hàng khác	194.727.622.424	439.761.067.461
Cộng	<u>205.348.396.424</u>	<u>508.729.830.211</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**3a. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>127.657.698</i>	<i>27.217.103.847</i>
Công ty Cổ phần Bê tông Becamex	127.657.698	127.657.698
Công ty Liên doanh TNHH Khu Công nghiệp Việt Nam Singapore	-	27.089.446.149
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	<i>1.307.974.577</i>	<i>1.433.464.500</i>
Công ty Cổ phần Kiến trúc đô thị Ngôi sao Việt	214.500.000	214.500.000
Các nhà cung cấp khác	1.093.474.577	1.218.964.500
Cộng	<u>1.435.632.275</u>	<u>28.650.568.347</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: Số 230 Đại Lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

4a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	20.661.361.696	-	29.818.615.429	-
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP - Phải thu tiền lợi nhuận được chia từ Dự án Becamex City Center	19.899.943.147	-	19.899.943.147	-
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex - Phải thu tiền cổ tức	-	-	9.157.253.733	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex - Phải thu tiền cổ tức	579.418.549	-	579.418.549	-
Công ty Liên Doanh TNHH Khu Công nghiệp Việt Nam - Singapore - Ký quỹ, ký cược ngắn hạn.	132.000.000	-	132.000.000	-
Công ty TNHH Becamex Tokyu - Ký quỹ ký cược ngắn hạn	50.000.000	-	50.000.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	2.392.500.089	-	4.206.724.985	-
Lãi tiền gửi dự thu	192.470.197	-	-	-
Chi hộ cho Ban quản lý tòa nhà chung cư New Horizon, tòa nhà Becamex Tower	57.670.766	-	56.361.766	-
Phải thu tiền chi hộ làm sổ cho khách hàng mua căn hộ Sunrise	63.813.200	-	140.828.200	-
Phải thu tiền chi hộ làm sổ cho khách hàng mua dự án The Green River	154.903.800	-	144.798.800	-
Phải thu tiền chi hộ làm sổ cho khách hàng mua dự án Phố TM IJC2	247.254.400	-	316.722.500	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	87.442.346	-	87.442.346	-
Tạm ứng công tác	1.089.714.917	-	1.104.438.922	-
Thuế GTGT chưa kê khai	-	-	158.651.020	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	499.230.463	-	2.197.481.431	-
Cộng	23.053.861.785	-	34.025.340.414	-

4b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	473.812.161.961	-	473.812.161.961	-
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP - Tiền đầu tư góp vốn xây dựng Dự án Becamex City Center ^(*)	473.602.061.961	-	473.602.061.961	-
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP - Ký quỹ quản lý, thi công dự án	210.100.000	-	210.100.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: Số 230 Đại Lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức khác</i>	26.600.000	-	56.600.000	-
Ký quỹ ký cược dài hạn	26.600.000	-	56.600.000	-
Cộng	473.838.761.961	-	473.868.761.961	-

(*) Đây là dự án hợp tác kinh doanh với Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP để xây dựng Dự án Becamex City Center. Với diện tích hơn 61.000m², có tổng số vốn đầu tư lên tới 2.500 tỷ VND, dự án là một khu phức hợp các công trình dịch vụ như văn phòng làm việc, căn hộ cao cấp, trung tâm thương mại, khách sạn 5 sao, khu vui chơi nghỉ dưỡng, bãi đỗ xe, công viên,... và nhiều tiện ích khác. Một số công trình của dự án đã hoàn thành và đưa vào khai thác, một số công trình khác vẫn đang trong quá trình xây dựng để hoàn thiện.

5. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu kỳ	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>		141.748.728.000	141.748.728.000		83.576.754.000	83.576.754.000
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP						
<i>Phải thu tiền bán bất động sản</i>		3.186.822.000	3.186.822.000	Dưới 06 tháng	3.692.815.000	3.692.815.000
	Dưới 06 tháng					
	Từ 06 tháng đến 01 năm	3.768.993.000	3.768.993.000	Từ 06 tháng đến 01 năm	711.311.000	711.311.000
	Từ 01 đến 02 năm	1.033.971.000	1.033.971.000	Từ 01 đến 02 năm	-	-
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị						
<i>Phải thu tiền bán bất động sản</i>		54.586.314.000	54.586.314.000	Dưới 06 tháng	54.586.314.000	54.586.314.000
	Dưới 06 tháng					
	Từ 06 tháng đến 01 năm	54.586.314.000	54.586.314.000	Từ 06 tháng đến 01 năm	24.586.314.000	24.586.314.000
	Từ 01 đến 02 năm	24.586.314.000	24.586.314.000	Từ 01 đến 02 năm	-	-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		410.623.505.274	410.623.505.274		406.150.427.354	406.150.427.354
<i>Phải thu tiền bán bất động sản</i>		46.283.185.283	46.283.185.283	Dưới 06 tháng	69.224.935.661	69.224.935.661
	Dưới 06 tháng					
	Từ 06 tháng đến 01 năm	50.319.989.810	50.319.989.810	Từ 06 tháng đến 01 năm	40.063.388.600	40.063.388.600
	Từ 01 đến 02 năm	85.427.091.490	85.427.091.490	Từ 01 đến 02 năm	92.638.260.391	92.638.260.391
	Từ 02 đến 03 năm	94.272.451.726	94.272.451.726	Từ 02 đến 03 năm	92.662.384.016	92.662.384.016
	Trên 03 năm	134.320.786.965	134.320.786.965	Trên 03 năm	111.561.458.686	111.561.458.686
Cộng		552.372.233.274	552.372.233.274		489.727.181.354	489.727.181.354

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: Số 230 Đại Lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	713.833.262	-	1.140.523.790	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang ^(*)	5.301.111.708.088	-	5.280.120.741.083	-
Hàng hóa	5.797.358.834	-	5.797.358.834	-
Cộng	5.307.622.900.184	-	5.287.058.623.707	-

^(*) Chủ yếu là chi phí dở dang của các công trình xây dựng nhà phố, khu thương mại, nhà biệt thự, nhà chung cư,... Trong đó, công trình Khu đô thị IJC có số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 2.332.923.089.518 VND (số dư đầu kỳ là 2.328.009.662.647 VND). Công trình này đang trong quá trình xây dựng, phần lớn phần ảnh chi phí chuyển quyền sử dụng đất. Ngoài ra còn phát sinh một số chi phí khác như phí khảo sát địa chất địa hình, xây dựng nhà thô công trình, thi công hệ thống đường giao thông, thoát nước, chi phí sử dụng vốn,...

Một số chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang có giá trị ghi sổ là 2.322.417.512.849 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương, Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Bình Dương, Ngân hàng TMCP Bản Việt – Chi nhánh Bình Dương, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Bình Dương và để đảm bảo cho việc phát hành trái phiếu của Công ty được mua bởi Ngân hàng TMCP Tiên Phong.

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	29.880.000	44.820.000
Cộng	29.880.000	44.820.000

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công cụ, dụng cụ	3.228.393.777	3.869.663.257
Chi phí duy tu, sửa chữa Quốc lộ 13	12.985.007.622	11.645.686.460
Thiết bị thu phí tự động	1.977.388.070	2.129.054.329
Cộng	18.190.789.469	17.644.404.046

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	862.586.755.599	1.605.459.924	6.093.443.135	35.782.452.055	906.068.110.713
Mua trong kỳ	-	-	-	731.700.000	731.700.000
Số cuối kỳ	862.586.755.599	1.605.459.924	6.093.443.135	36.514.152.055	906.799.810.713
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.613.226.392	1.460.459.924	3.736.501.975	17.579.738.931	25.389.927.222

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: Số 230 Đại Lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
dụng					
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu kỳ	329.471.198.446	1.501.543.246	4.597.765.389	23.722.857.146	359.293.364.227
Khấu hao trong kỳ	7.610.330.949	3.624.999	97.578.867	559.895.034	8.271.429.849
Số cuối kỳ	337.081.529.395	1.505.168.245	4.695.344.256	24.282.752.180	367.564.794.076
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	533.115.557.153	103.916.678	1.495.677.746	12.059.594.909	546.774.746.486
Số cuối kỳ	525.505.226.204	100.291.679	1.398.098.879	12.231.399.875	539.235.016.637
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách 484.719.109.417 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho việc phát hành trái phiếu của Công ty được mua bởi Ngân hàng TMCP Tiên Phong và Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (xem thuyết minh số V.20).

9. Tài sản cố định vô hình

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu kỳ	8.669.587.380	4.044.193.756	4.625.393.624
Mua trong kỳ	1.749.440.896		
Khấu hao trong kỳ		153.290.811	
Số cuối kỳ	10.419.028.276	4.197.484.567	6.221.543.709
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.850.394.021		

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

Chi phí mua 4 tầng tại Becamex Tower để đầu tư Trung tâm thương mại Becamex.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu kỳ	185.090.978.661	19.157.216.880	165.933.761.781
Khấu hao trong kỳ		927.923.760	
Số cuối kỳ	185.090.978.661	20.085.140.640	165.005.838.021

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: Số 230 Đại Lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chung cư IJC Aroma	111.130.983.457	111.130.983.457	111.444.177.042	111.444.177.042
Dự án F13 khu phố Phú An	-	-	7.836.751.881	7.836.751.881
Cộng	111.130.983.457	111.130.983.457	119.280.928.923	119.280.928.923

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu kỳ	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển vào hàng tồn kho	Số cuối kỳ
					-
Xây dựng cơ bản dở dang	4.731.548.754	-	(1.749.440.896)	(2.982.107.858)	-
- Công trình hệ thống thu phí Suối Giữa - Vĩnh Phú	1.911.666.896	-	(1.749.440.896)	(162.226.000)	-
- Công trình cải tạo Quốc lộ 13	2.819.881.858	-	-	(2.819.881.858)	-
Cộng	4.731.548.754	-	(1.749.440.896)	(2.982.107.858)	-

13. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư vào Công ty con. Thông tin về các khoản đầu tư vào Công ty con như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex ⁽ⁱ⁾	11.377.481.005	-	11.377.481.005	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex ⁽ⁱⁱ⁾	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
Cộng	17.377.481.005	-	17.377.481.005	-

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3701906616, thay đổi lần 07 ngày 05 tháng 4 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex (trước đây là Công ty TNHH MTV IJC) 12.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702280392, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 6 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex là 6.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Ngày 16 tháng 1 năm 2018 đăng ký thay đổi lần 1 về việc tăng vốn điều lệ lên 20.000.000.000 VND.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con

Các công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: Số 230 Đại Lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Giao dịch với các công ty con*

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex		
Cho thuê mặt bằng, trang thiết bị	1.125.000.000	1.125.000.000
Cho thuê tầng hầm chung cư Sunrise	54.545.454	-
Mua hàng hoá, dịch vụ	65.884.485	12.407.020
Nhận phân phối lợi nhuận	9.157.253.733	
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex		
Cho thuê mặt bằng, trang thiết bị	1.230.000.000	1.230.000.000
Mua hàng hoá, dịch vụ	493.106.731	875.824.908
Phí quản lý văn phòng	1.550.250.000	124.966.100
Phí quản lý tại các dự án	1.096.320.000	-

14. Phải trả người bán ngắn hạn/dài hạn**14a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Phải trả các bên liên quan		
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	2.339.749.231.667	2.228.172.053.905
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex	2.139.415.133.316	2.139.415.133.316
Công ty Cổ phần Bê tông Becamex	1.231.279.320	126.516.806
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	14.005.850.080	32.235.798.593
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	34.359.097.393	29.797.191.133
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	5.725.401.452	7.597.414.057
Công ty Liên Doanh TNHH Khu Công nghiệp Việt Nam - Singapore	38.000.000.000	19.000.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ và Xây dựng Tấn Hào Phát	107.012.470.106	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	14.321.345.051	14.215.594.196
Công ty TNHH Dịch vụ và Xây dựng Tấn Hào Phát	2.306.964.378	2.739.176.320
Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật tư Xây dựng 2	96.307.200	96.307.200
Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Bách Phương	3.067.108.895	5.022.795.576
Các nhà cung cấp khác	8.850.964.578	6.357.315.100
Cộng	2.354.070.576.718	2.242.387.648.101

14b. Phải trả người bán dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Phải trả các bên liên quan		
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	1.112.267.353.000	1.131.267.353.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	830.092.505.000	830.092.505.000
	282.174.848.000	301.174.848.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: Số 230 Đại Lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cộng	Số cuối kỳ 1.112.267.353.000	Số đầu kỳ 1.131.267.353.000
-------------	---	--

14c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Trả trước của các bên liên quan	419.345.245	419.345.245
Công ty Liên doanh TNHH Khu Công Nghiệp Việt Nam - Singapore	419.272.045	419.272.045
Công ty TNHH Becamex Tokyu	73.200	73.200
Trả trước cho người bán khác	15.646.218.333	13.456.801.032
Ông Đàm Văn Khánh	1.187.577.000	1.187.577.000
Các khách hàng khác	14.458.641.333	12.269.224.032
Cộng	16.065.563.578	13.876.146.277

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	15.226.585.332	14.721.116.785	(28.033.093.275)	1.914.608.842
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.016.813.832	14.951.535.947	(10.016.813.832)	14.951.535.947
Thuế thu nhập cá nhân(*)	(56.182.499)	194.141.669	(114.038.262)	23.920.908
Các loại thuế khác	-	71.894.560	(71.894.560)	-
Cộng	25.187.216.665	29.938.688.961	(38.235.839.929)	16.890.065.697

(*) Khoản thuế thu nhập cá nhân nộp thừa được trình bày trên mục thuế và các khoản khác phải thu nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất Không chịu thuế
- Các hoạt động khác 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Theo Hợp đồng B.O.T đã ký giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương và Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (nay là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP) và Công văn số 8900/CT-KTr1 ngày 07 tháng 11 năm 2008 của Cục thuế tỉnh Bình Dương, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động thu phí tuyến Quốc lộ 13 - tỉnh Bình Dương trong 04 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 09 năm tiếp theo. Như vậy:

- Đối với Dự án I từ Km1+248 đến Km28+178 dài 27,197 km từ gần cầu Vĩnh Bình huyện Thuận An đến Ngã ba Đài Hoa Sen - Khu công nghiệp Tân Định, Bến Cát: có thu nhập chịu thuế từ năm 2002. Hiện nay dự án này đã hết thời hạn được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN Hạ Tầng Kỹ Thuật

Địa chỉ: Số 230 Đại Lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với Dự án II từ Km28+000 đến Km65+355 dài 37,584 km từ Đài vệ tinh Tân Định, Bến Cát đến Cầu Tham Rót giáp ranh tỉnh Bình Phước: Công ty có thu nhập chịu thuế từ năm 2008 và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 là năm thứ 07 Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	83.248.631.459	109.516.683.718
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.052.533.700	991.311.111
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	84.301.165.159	110.507.994.829
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Thu nhập tính thuế	84.301.165.159	110.507.994.829
Trong đó		
- Hoạt động kinh doanh thu phí	42.271.047.162	44.285.063.857
- Hoạt động kinh doanh khác	42.030.117.997	66.222.930.972
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	17.011.723.601	22.101.598.966
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm theo Hợp đồng B.O.T	(2.060.187.655)	(2.820.320.991)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	14.951.535.947	19.281.277.975

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Công ty phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 1% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính. Công ty sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 6 năm 2018 còn phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: Số 230 Đại Lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Phải trả các bên liên quan	258.349.751.253	375.535.679.271
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	212.739.270.639	181.506.890.271
- Trích trước phí chuyển nhượng quyền sử dụng - đất khu biệt thự Sunflower	61.481.824.614	40.626.892.614
- Trích trước phí chuyển nhượng quyền sử dụng - đất Phố TM IJC2	5.495.302.155	5.495.302.155
- Lãi trả chậm cổ tức	145.762.143.870	135.384.695.502
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore	45.610.480.614	189.792.225.715
- Trích trước phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất dự án IJC Vinh Tân	5.205.813.213	161.815.921.892
- Trích trước phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất các lô đất ấp 1, ấp 5 Vinh Tân	18.118.774.560	18.118.774.560
- Trích trước phí chuyển nhượng quyền sử dụng - đất KDC Hòa Lợi TH1	7.176.617.358	5.664.561.784
- Trích trước phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất các lô đất ấp 4 Suối Tre	15.109.275.483	4.192.967.479
Công ty Cổ phần Bê tông Becamex	-	4.236.563.285
- Trích trước giá trị thi công đợt 1 đường N17 KCN Bàu Bàng	-	4.236.563.285
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	52.328.336.418	40.759.818.803
Trích trước giá vốn xây dựng chung cư IJC Aroma	1.209.909.233	1.209.909.233
Trích trước giá vốn xây dựng shop Aroma	162.621.146	162.621.146
Trích trước giá vốn khu biệt thự Sunflower	76.356.564	76.356.564
Trích trước giá vốn đầu tư cơ sở hạ tầng khu tái định cư Hòa Lợi	2.504.764.091	2.504.764.091
Trích trước giá vốn xây dựng KDC Hòa Lợi TH1	1.495.061.953	1.495.061.953
Chi phí lãi vay	28.595.278.181	19.025.784.035
Chi phí tiếp thị, môi giới	7.817.724.392	5.515.985.635
Trích trước giá vốn xây dựng nhà	9.903.460.858	10.306.214.266
Trích trước giá trị thi công QL13	-	463.121.880
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	563.160.000	-
Cộng	310.678.087.671	416.295.498.074

19. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**19a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Phải trả các bên liên quan	647.379.677.384	539.247.913.834
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	639.995.860.987	531.149.493.525
- Cổ tức phải trả	591.017.025.302	482.984.022.302
- Phải trả tiền thu hộ căn hộ New Horizon	1.265.054.160	1.265.054.160

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: Số 230 Đại Lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
- Phải trả tiền thu hộ căn hộ Sunrise	45.065.114.609	44.251.750.147
- Phải trả tiền thu hộ thuê văn phòng Becamex Tower	2.648.666.916	2.648.666.916
Công ty Cổ phần Bê tông Becamex - Tiền bảo hành công trình	7.383.816.397	7.337.462.124
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex – tiền phí quản lý	-	760.958.185
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	112.360.659.876	96.219.974.272
Bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn	794.795.878	825.722.769
Tiền bảo hành còn phải trả nhà cung cấp	4.176.685.290	3.920.903.511
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	36.052.881.717	49.222.999.823
Cổ tức phải trả	29.965.804.545	984.101.045
Tiền bảo dưỡng chung cư IJC Aroma	8.306.964.479	8.208.789.136
Phải trả doanh thu cho gian hàng tại Trung tâm thương mại Becamex	160.115.907	160.115.907
Thù lao Hội đồng quản trị	-	859.000.000
Phải trả tiền thu hộ	28.643.000.000	27.053.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.260.412.060	4.985.342.081
Cộng	<u>759.740.337.260</u>	<u>635.467.888.106</u>

19b. Phải trả dài hạn khác

Khoản tiền ký quỹ của khách hàng thuê gian hàng tại Trung tâm Thương mại Becamex.

19c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

20a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	389.362.724.261	408.632.183.842
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱ⁾	389.362.724.261	396.963.976.870
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai ⁽ⁱ⁾	-	11.668.206.972
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	173.125.000.000	141.750.000.000
Cộng	<u>562.487.724.261</u>	<u>550.382.183.842</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; tại lô đất diện tích 38.050 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp số 01/2014/1728454/HĐBĐ ngày 16 tháng 9

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: Số 230 Đại Lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

năm 2014 và lô đất với diện tích 40.947 m² theo Hợp đồng thế chấp số 01/2015/1728454/HĐĐB ngày 05 tháng 6 năm 2015.

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai để bổ sung vốn lưu động, chi phí quản lý BOT đang thu phí, chi phí hoạt động thi công xây lắp trong trường hợp các Hợp đồng thi công xây lắp chủ đầu tư thanh toán theo tiến độ hoàn thành từng hạng mục công trình. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; diện tích 8.576,2 m² tại phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương và diện tích 6.821,7 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương lần lượt theo Hợp đồng thế chấp số 16.108.01-IJC/HĐTC ngày 20 tháng 09 năm 2016 và Hợp đồng thế chấp số 17.108.01-IJC/HĐTC ngày 28 tháng 02 năm 2017.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu kỳ	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	408.632.183.842	145.356.667.836	-	(164.626.127.417)	389.362.724.261
Vay dài hạn đến hạn trả	141.750.000.000	-	75.750.000.000	(44.375.000.000)	173.125.000.000
Cộng	550.382.183.842	145.356.667.836	75.750.000.000	(209.001.127.417)	562.487.724.261

20b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Vay dài hạn ngân hàng	144.000.000.000	219.750.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương⁽ⁱ⁾</i>	30.000.000.000	45.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Bình Dương⁽ⁱⁱ⁾</i>	60.000.000.000	97.750.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Bản Việt - Chi nhánh Bình Dương⁽ⁱⁱⁱ⁾</i>	54.000.000.000	77.000.000.000
Trái phiếu thường dài hạn ^(iv)	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
Cộng	1.144.000.000.000	1.219.750.000.000

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để tài trợ lại một phần vốn đã đầu tư vào dự án IJC Aroma. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP tại lô đất diện tích 38.050 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp số 01/2014/1728454/HĐĐB ngày 16 tháng 9 năm 2014 và lô đất với diện tích 40.947 m² theo Hợp đồng thế chấp số 01/2015/1728454/HĐĐB ngày 05 tháng 6 năm 2015.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Á – Chi nhánh Bình Dương để thực hiện dự án Khu dân cư Hòa Lợi-IJC và bù đắp một phần vốn đã đầu tư vào dự án Khu đô thị IJC. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP với diện tích 28.221 m² theo Hợp đồng thế chấp số 210-60/15/VAB/HĐTCBLBDS ngày 01 tháng 6 năm 2015, diện tích 40.648 m² theo Hợp đồng thế chấp số 210-131/15/VAB/HĐTCBLBDS ngày 24 tháng 11 năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN Hạ Tầng Kỹ Thuật

Địa chỉ: Số 230 Đại Lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bản Việt – Chi nhánh Bình Dương để tài trợ lại một phần vốn đã đầu tư vào dự án Khu đô thị IJC. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị quyền sử dụng đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với diện tích 23.995 m² theo Hợp đồng thế chấp số 0076/01414/01A.HDTCQSDĐ ngày 04 tháng 9 năm 2014.

(iv) Trái phiếu thương dài hạn bao gồm:

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị
Phát hành theo mệnh giá			1.000.000.000.000			1.000.000.000.000
Phát hành cho Ngân hàng TMCP Tiên Phong ^(a)	10,70%/năm	05 năm	600.000.000.000	10,125%/năm	05 năm	600.000.000.000
Phát hành cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Asean ^(b)	10,70%/năm	05 năm	400.000.000.000	10,125%/năm	05 năm	400.000.000.000
Cộng			1.000.000.000.000			1.000.000.000.000

(a) Trái phiếu phát hành để huy động vốn triển khai dự án đầu tư Sunflower mở rộng và tăng quy mô vốn kinh doanh.

- Ngày phát hành : ngày 25 tháng 9 năm 2014.
- Ngày đáo hạn : ngày 25 tháng 9 năm 2019.
- Kỳ thanh toán lãi : 6 tháng/lần.
- Lãi suất : kỳ tính lãi đầu tiên và kỳ thứ hai: 12,2%/năm; các kỳ tiếp theo: lãi suất bình quân của lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của 4 ngân hàng sau: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cộng lãi biên 4%/năm.
- Hình thức đảm bảo : khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền quản lý và thu phí giao thông Dự án đầu tư BOT: “Nâng cấp và mở rộng QL13-tỉnh Bình Dương-từ Km1+248 đến Km 28+178-dài 27,297 Km”; quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 45.182 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

(b) Trái phiếu phát hành để huy động vốn triển khai dự án đầu tư Prince Town mở rộng.

- Ngày phát hành : ngày 31 tháng 10 năm 2014.
- Ngày đáo hạn : ngày 31 tháng 10 năm 2019.
- Kỳ thanh toán lãi : 6 tháng/lần.
- Lãi suất : kỳ tính lãi đầu tiên và kỳ thứ hai: 12,2%/năm; các kỳ tiếp theo: lãi suất bình quân của lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của 4 ngân hàng sau: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cộng lãi biên 4%/năm.
- Hình thức đảm bảo : khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền quản lý và thu phí giao thông Dự án đầu tư BOT: “Nâng cấp và mở rộng QL13-tỉnh Bình Dương-từ Km28+000 đến Km 65+355 dài 37.584 m”; quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: Số 230 Đại Lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

với đất diện tích 9.714 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn ngân hàng	317.125.000.000	173.125.000.000	144.000.000.000	-
Trái phiếu thường	1.000.000.000.000	-	1.000.000.000.000	-
Cộng	1.317.125.000.000	173.125.000.000	1.144.000.000.000	-
Số đầu kỳ				
Vay dài hạn ngân hàng	361.500.000.000	141.750.000.000	219.750.000.000	-
Trái phiếu thường	1.000.000.000.000	-	1.000.000.000.000	-
Cộng	1.361.500.000.000	141.750.000.000	1.219.750.000.000	-

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay dài hạn ngân hàng	219.750.000.000	-	(75.750.000.000)	144.000.000.000
Trái phiếu thường	1.000.000.000.000	-	-	1.000.000.000.000
Cộng	1.219.750.000.000	-	(75.750.000.000)	1.144.000.000.000

20c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu kỳ	-	-
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	8.590.779.322	4.796.090.637
Chi quỹ trong kỳ	(4.219.253.414)	(2.729.319.229)
Số cuối kỳ	4.371.525.908	2.066.771.408

22. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Nguyễn Văn Tùng	-	6.209.298.126
Lương Văn Tuấn	2.744.145.456	8.077.121.636
Các khách hàng khác	34.747.532.300	44.156.863.484
Cộng	37.491.677.756	58.443.283.246

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: Số 230 Đại Lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

23. Vốn chủ sở hữu

23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.370.973.230.000	10.420.226.000	81.606.382.163	142.232.481.881	1.605.232.320.044
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	90.235.405.743	90.235.405.743
Trích lập các quỹ	-	-	4.796.090.637	(9.592.181.274)	(4.796.090.637)
Chia cổ tức	-	-	-	(109.677.858.400)	(109.677.858.400)
Số dư cuối kỳ trước	1.370.973.230.000	10.420.226.000	86.402.472.800	113.197.847.950	1.580.993.776.750
Số dư đầu năm nay	1.370.973.230.000	10.420.226.000	86.402.472.800	229.712.579.137	1.697.508.507.937
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	68.297.095.512	68.297.095.512
Trích lập các quỹ	-	-	6.872.623.457	(15.463.402.779)	(8.590.779.322)
Chia cổ tức	-	-	-	(137.097.323.000)	(137.097.323.000)
Số dư cuối kỳ nay	1.370.973.230.000	10.420.226.000	93.275.096.257	145.448.948.870	1.620.117.501.127

23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	1.080.330.030.000	1.080.330.030.000
Các cổ đông khác	290.643.200.000	290.643.200.000
Cộng	1.370.973.230.000	1.370.973.230.000

23c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	137.097.323	137.097.323
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	137.097.323	137.097.323
- Cổ phiếu phổ thông	137.097.323	137.097.323
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	137.097.323	137.097.323
- Cổ phiếu phổ thông	137.097.323	137.097.323
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền gồm 98,16 USD (Số đầu kỳ là 98,16 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: Số 230 Đại Lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán vé cầu đường	66.059.557.414	63.701.104.987
Doanh thu kinh doanh bất động sản	206.695.096.646	176.139.917.363
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	1.230.000.000	1.230.000.000
Doanh thu Hợp đồng xây dựng	1.436.832.895	52.384.684.728
Doanh thu dịch vụ khác	2.865.109.110	1.975.113.678
Cộng	<u>278.286.596.065</u>	<u>295.430.820.756</u>

(i) Thu nhập và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư cho thuê như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ việc cho thuê bất động sản đầu tư	1.230.000.000	1.230.000.000
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	1.083.593.565	1.325.896.765
Thu nhập kinh doanh bất động sản đầu tư	<u>146.406.435</u>	<u>(95.896.765)</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.13, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP		
Thị công xây dựng nhà ở xã hội	-	12.024.812.100
Thị công hạ tầng	-	1.590.141.967
Công ty TNHH Becamex Tokyu		
Thị công hạ tầng	175.000.000	34.563.449.925
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore		
Thị công hạ tầng	626.424.748	-

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hàng bán bị trả lại	9.600.382.004	6.637.500.859
Giảm giá hàng bán	-	-
Cộng	<u>9.600.382.004</u>	<u>6.637.500.859</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: Số 230 Đại Lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn vé cầu đường	12.557.448.679	11.359.838.778
Giá vốn kinh doanh bất động sản ⁽ⁱ⁾	123.733.077.404	65.344.446.179
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	1.083.593.565	1.325.896.765
Giá vốn hoạt động xây dựng	1.564.596.125	47.683.151.021
Giá vốn dịch vụ khác	1.241.042.733	1.292.377.494
Cộng	<u>140.179.758.506</u>	<u>127.005.710.237</u>

(i) Trong đó giá vốn trích trước của thành phẩm bất động sản đã bán như sau:

Hạng mục	Năm nay		Năm trước	
	Giá trị trích trước	Thời gian dự kiến phát sinh	Giá trị trích trước	Thời gian dự kiến phát sinh
Dự án Biệt thự Sunflower	20.854.932.000	Trong năm 2018	-	Trong năm 2017
Dự án NOCN THI	1.512.055.574	Trong năm 2018	-	-
Dự án ấp 1, ấp 4, ấp 5 Vĩnh Tân	11.854.740.034	Trong năm 2018	30.083.349.180	Trong năm 2017
Cộng	<u>34.221.727.608</u>		<u>30.083.349.180</u>	

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	897.553.221	533.152.776
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	73.176.953	55.502.604
Cộng	<u>970.730.174</u>	<u>588.655.380</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	21.571.188.205	21.739.315.242
Chiết khấu thanh toán cho người mua	3.484.395.200	1.106.624.500
Tiền lãi cổ tức trả chậm	10.377.448.368	13.744.476.962
Cộng	<u>35.433.031.773</u>	<u>36.590.416.704</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	3.857.098.293	3.082.207.778
Chi phí vật liệu, bao bì	757.481.487	681.444.369
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	15.699.358	11.289.657
Chi phí khấu hao tài sản cố định	103.585.926	84.225.326
Chi phí dịch vụ mua ngoài	754.977.547	451.914.430
Các chi phí khác	3.518.447.082	7.634.021.674
Cộng	<u>9.007.289.693</u>	<u>11.945.103.234</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: Số 230 Đại Lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	4.408.111.181	3.653.057.176
Chi phí vật liệu quản lý	126.148.043	104.923.094
Chi phí đồ dùng văn phòng	52.823.701	40.563.221
Chi phí khấu hao tài sản cố định	218.725.653	154.073.805
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.707.505.397	1.035.372.492
Các chi phí khác	1.731.315.365	861.038.469
Cộng	<u>8.244.629.340</u>	<u>5.849.028.257</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu từ phạt vi phạm Hợp đồng	6.619.645.091	915.060.920
Tiền từ bồi thường	-	258.607.272
Thu nhập khác	2.313.512.428	597.109.091
Cộng	<u>8.933.157.519</u>	<u>1.770.777.283</u>

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí khác	2.476.760.983	245.810.410
Cộng	<u>2.476.760.983</u>	<u>245.810.410</u>

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.912.456.580	3.507.326.906
Chi phí nhân công	9.116.793.895	7.398.267.091
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.352.644.420	9.352.586.593
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.143.319.351	3.973.049.704
Chi phí khác	5.445.803.978	8.632.388.659
Cộng	<u>31.971.018.224</u>	<u>32.863.618.953</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các công nợ phải trả liên quan đến mua sắm, xây dựng tài sản cố định là 1.855.788.450 VND (Số đầu kỳ là 25.032.516.946 VND).

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: Số 230 Đại Lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Từ 1 năm trở xuống	9.420.000.000	9.420.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	820.000.000	3.175.000.000
Trên 5 năm	-	-
Cộng	10.240.000.000	12.595.000.000

Tổng số tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là doanh thu trong kỳ là 2.355.000.000 VND (năm trước là 2.355.000.000 VND).

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong kỳ là 600.000.000 VND (năm trước là 438.500.788 VND).

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	Công ty con
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex	Công ty con
Công ty Cổ phần Bê tông Becamex	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore	Công ty liên kết với Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Công ty liên kết với Công ty mẹ
Công ty TNHH Becamex Tokyu	Công ty liên kết với Công ty mẹ

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: Số 230 Đại Lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần nước - Môi trường Bình Dương	Công ty liên kết với Công ty mẹ

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.13 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP		
Ứng tiền đầu tư xây dựng Dự án Becamex City Center	-	521.895.595
Cổ tức phải trả	108.033.003.000	86.426.402.400
Lãi cổ tức phải trả	10.377.448.368	13.744.476.962
Công ty Cổ phần Bê tông Becamex		
Thi công xây dựng	5.531.872.674	15.319.042.372
Thu nhượng tiền điện	7.166.432	7.193.772
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore		
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất	166.414.151.940	-
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam		
Mua vật tư, thiết bị	278.249.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương		
Thi công xây dựng nhà ở xã hội	19.146.060.958	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Cam kết bảo lãnh

Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP dùng quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương, Ngân hàng TMCP Việt Á – Chi nhánh Bình Dương và để đảm bảo cho việc phát hành trái phiếu của Công ty được mua bởi Ngân hàng TMCP Tiên Phong, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 772.500.000.000 VND (xem thuyết minh số V.20).

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.3, V.4, V.14, V.15, V.18 và V.19.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: Số 230 Đại Lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực bán vé cầu đường: bán vé thu phí Quốc lộ 13.
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản: đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị.
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản đầu tư: dịch vụ cho thuê mặt bằng trong tòa nhà Becamex Tower.
- Lĩnh vực xây dựng: thi công nhà ở xã hội, thi công công trình công cộng.
- Lĩnh vực Hợp đồng hợp tác kinh doanh: hợp tác thực hiện dự án Becamex City Center với Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP.
- Lĩnh vực khác: cho thuê trang thiết bị, nội thất.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, chủ yếu tại địa bàn tỉnh Bình Dương.

4. Số liệu so sánh

Do Công ty đã trình bày lại số liệu tài chính cuối năm 2017 theo kiến nghị của Đoàn kiểm toán nhà nước khu vực IV nên các chỉ tiêu sau đây thay đổi số dư so với số liệu trên báo cáo tài chính quý 1/2018.

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán				
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	673.639.945.791	22.135.757.761	695.775.703.552
Phải thu ngắn hạn khác	136	33.334.507.250	690.833.164	34.025.340.414
Hàng tồn kho	141	5.301.319.379.238	(14.260.755.531)	5.287.058.623.707
Phải trả người bán ngắn hạn	311	2.241.403.445.067	984.203.034	2.242.387.648.101
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	72.319.429.523	(58.443.283.246)	13.876.146.277
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	22.812.789.446	2.430.609.718	25.243.399.164
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	413.251.848.498	3.043.649.576	416.295.498.074
Phải trả ngắn hạn khác	319	634.759.860.118	708.027.988	635.467.888.106
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	0	58.443.283.246	58.443.283.246
Lợi nhuận sau thuế chưa phân	421	228.313.234.059	1.399.345.078	229.712.579.137

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: Số 230 Đại Lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
phối -LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421A	178.756.529.720	1.399.345.078	180.155.874.798

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Bình Dương, ngày 20 tháng 7 năm 2018

Bùi Thị Thùy
Người lập biểu

Trịnh Thanh Hùng
Kế toán trưởng



Đỗ Quang Ngôn
Tổng Giám đốc

Phụ lục 1: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

	Lĩnh vực bán vé cầu đường	Lĩnh vực kinh doanh bất động sân	doanh bất động sản đầu tư	Lĩnh vực xây dựng	Lĩnh vực hợp tác kinh doanh	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ này								
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	66.059.557.414	197.094.714.642	1.230.000.000	1.436.832.895	-	2.865.109.110	-	268.686.214.061
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	66.059.557.414	197.094.714.642	1.230.000.000	1.436.832.895	-	2.865.109.110	-	268.686.214.061
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	42.271.047.162	33.796.999.595	(143.294.234)	(756.583.977)	-	1.624.066.377	-	76.792.234.923
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận								-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh								76.792.234.923
Doanh thu hoạt động tài chính								970.730.174
Chi phí tài chính								(970.730.174)
Thu nhập khác								8.933.157.519
Chi phí khác								(2.476.760.983)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành								(14.951.535.947)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại								-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp								68.297.095.512
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	4.114.075.290	1.838.660.799	11.474.447	13.403.953	-	26.728.083	-	6.004.342.572
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	9.692.973.140	378.241.939	1.014.291.115	8.013.140	-	1.235.941.339	-	12.329.460.673
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-	-	-	-

Phụ lục 1: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Lĩnh vực bán vé cầu đường	Lĩnh vực kinh doanh bất động sân	doanh bất động sản đầu tư	Lĩnh vực xây dựng	Lĩnh vực hợp tác kinh doanh	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ trước								
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	63.701.104.987	169.502.416.504	1.230.000.000	52.384.684.728	-	1.975.113.678	-	288.793.319.897
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	63.701.104.987	169.502.416.504	1.230.000.000	52.384.684.728	-	1.975.113.678	-	288.793.319.897
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	43.723.832.490	63.830.679.314	(461.312.351)	215.781.208	-	94.080.804	-	107.403.061.465
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận								0
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh								107.403.061.465
Doanh thu hoạt động tài chính								588.655.380
Chi phí tài chính								
Thu nhập khác								1.770.777.283
Chi phí khác								(245.810.410)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành								(19.281.277.975)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại								-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp								90.235.405.743
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	2.779.579.360	1.776.186.682	12.888.959	548.930.105	-	20.696.877	-	5.138.281.982
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	9.144.770.880	173.327.566	1.232.684.830	40.177.244	-	1.285.752.040	-	11.876.712.560
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-	-	-	-



BÙI THỊ THỦY
Người lập biểu



TRỊNH THANH HÙNG
Kế toán trưởng



Phụ lục 1: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực bán vé cầu đường	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản đầu tư	Lĩnh vực xây dựng	Hợp đồng hợp tác kinh doanh	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối kỳ								
Tài sản trực tiếp của bộ phận	513.418.617.164	6.404.927.459.200	168.157.185.326	50.079.500.942	493.502.005.108	18.028.854.764	-	7.648.113.622.504
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận								292.360.551.851
Tổng tài sản								7.940.474.174.355
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	7.833.149.949	4.677.918.418.572	196.541.679.804	228.905.446.127	48.978.835.685	-	-	5.160.177.530.137
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận								1.160.179.143.091
Tổng nợ phải trả								6.320.356.673.228
Số đầu kỳ								
Tài sản trực tiếp của bộ phận	520.875.396.698	6.530.727.872.439	170.936.592.944	101.540.595.850	493.502.005.108	17.957.591.781	-	7.835.540.054.820
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận								157.510.705.146
Tổng tài sản								7.993.050.759.966
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	85.680.709.587	4.760.352.744.193	196.541.679.804	267.244.428.740	48.165.471.223	-	-	5.357.985.033.547
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận								937.557.218.482
Tổng nợ phải trả								6.295.542.252.029

BÙI THỊ THUY
Người lập biểu

TRỊNH THANH HÙNG
Kế toán trưởng



Ngày 20 Tháng 07 Năm 2018

ĐO QUANG NGÔN
Tổng Giám đốc